

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 62 /2025/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày 26 tháng 9 năm 2025

### NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị  
thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự ngày 20 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025; số 9/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật;*

*Xét Tờ trình số 5339/TTr-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban*

*nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra số 608/BC-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Lai Châu.*

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo quy định tại điểm a, c, d, đ khoản 3 Điều 9 Nghị định số 9/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ (không bao gồm các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang nhân dân) có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

### **Điều 2. Mức hỗ trợ đối với cây trồng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật**

#### **1. Diện tích lúa**

a) Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày: Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha.

b) Sau gieo trồng từ trên 10 ngày đến 45 ngày: Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha.

c) Sau gieo trồng trên 45 ngày: Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha.

#### **2. Diện tích mạ**

Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30%

đến 70% diện tích, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha.

3. Diện tích cây hằng năm khác: Cây ngô; cây mía; nhóm cây lấy củ chứa tinh bột (sắn, khoai lang, khoai sọ, khoai tây, khoai môn, khoai mỡ, khoai từ, dong riềng, sắn dây); nhóm cây có hạt chứa dầu (lạc, vừng, đậu tương); cây đậu đỗ các loại (đậu xanh, đậu đen, đậu đỏ, đậu ván, đậu Hà Lan lấy hạt); hoa các loại (hồng, cúc, lay ơn, lily, loa kèn, địa lan); cây dược liệu hằng năm (đương quy, xuyên khung, cát cánh, atiso, cát sâm, địa hoàng, giao cổ lam, diệp hạ châu, bạch truật, hoàng tinh, cà gai leo, lan kim tuyến); nhóm cây ăn quả hằng năm (chuối, đu đủ, chanh leo, dứa); cây rau màu các loại; cây gia vị, hương liệu hằng năm (ớt, gừng, nghệ, sả)

a) Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng): Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha.

b) Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng): Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha.

c) Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng): Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 7.500.000 đồng/ha.

4. Diện tích cây trồng lâu năm: Cây công nghiệp (chè, cao su); nhóm cây ăn quả lâu năm (bưởi, chanh, cam, quýt, xoài, nhãn, vải, na, mít, nho, thanh long, ổi, bơ, táo, mơ, mận, đào, lê, hồng, sầu, thị, khế, quất hồng bì, trám, chay, dâu da); cây dược liệu lâu năm (sâm Lai Châu, tam thất, bảy lá một hoa, đỗ trọng, hà thủ ô đỏ, ba kích, đinh lăng, sa nhân tím, thảo quả); cây gia vị, hương liệu lâu năm.

a) Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản: Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 12.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha.

b) Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết: Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha.

c) Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống: Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ

15.000.000 đồng/ha.

d) Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 60.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha.

### **Điều 3. Mức hỗ trợ đối với lâm nghiệp bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật**

1. Mức hỗ trợ đối với diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật

a) Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác: Thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha.

b) Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi: Thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 7.500.000 đồng/ha.”

2. Diện tích vườn giống, rừng giống: Thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha.

3. Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm

a) Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi: Thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 40.000.000 đồng/ha, thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha.

b) Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi: Thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 60.000.000 đồng/ha, thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha.

### **Điều 4. Mức hỗ trợ đối với thủy sản bị thiệt hại do thiên tai (bao gồm nuôi trồng thủy sản, sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản)**

Các loại thủy sản được hỗ trợ bao gồm các loại cá: Tầm, hồi, chình, bống, trắm, chép, rô phi, mè, trôi, rô đồng, nheo, chim trắng, diêu hồng, chiên, lăng, chuối/quả, trê, lươn, chạch và loại thủy sản khác: Tôm, cua, ếch, ba ba.

1. Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao, hồ: Hỗ trợ 60.000.000 đồng/ha diện tích nuôi bị thiệt hại.

2. Nuôi trồng thủy sản trong bể, lồng, bè: Hỗ trợ 30.000.000 đồng/100 m<sup>3</sup> thể tích nuôi bị thiệt hại.

3. Nuôi trồng thủy sản nuôi theo hình thức khác: Hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha diện tích nuôi bị thiệt hại.

**Điều 5. Mức hỗ trợ đối với vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích) do thiên tai**

1. Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, bò câu) đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 23.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 38.000 đồng/con.

2. Chim cú đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 4.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 8.000 đồng/con.

3. Lợn đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 550.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 1.060.000 đồng/con; lợn nái và lợn đực đang khai thác, hỗ trợ 3.000.000 đồng/con.

4. Bê cái hướng sữa đến 06 tháng tuổi, hỗ trợ 3.000.000 đồng/con; bò sữa trên 06 tháng tuổi, hỗ trợ 8.050.000 đồng/con.

5. Trâu, bò thịt, ngựa đến 06 tháng tuổi, hỗ trợ 2.250.000 đồng/con; trên 06 tháng tuổi, hỗ trợ 5.050.000 đồng/con.

6. Hươu sao, cừu, dê, đà điểu, hỗ trợ 1.750.000 đồng/con.

7. Thỏ đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 40.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 60.000 đồng/con.

8. Ong mật (đàn), hỗ trợ 400.000 đồng/đàn.

**Điều 6. Mức hỗ trợ đối với loại cây trồng, lâm nghiệp, thủy sản, vật nuôi khác chưa được quy định tại Nghị quyết này**

Đối với các loại cây trồng, lâm nghiệp, thủy sản, vật nuôi khác chưa quy định tại Nghị quyết này, việc hỗ trợ thiệt hại được áp dụng tương tự như các cây trồng, lâm nghiệp, thủy sản, vật nuôi cùng chủng loại được quy định tại Nghị quyết này.

**Điều 7. Mức hỗ trợ đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ (không bao gồm các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang nhân dân) trên địa bàn tỉnh Lai Châu có hoạt động trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật**

Mức hỗ trợ bằng 1,0 lần mức hỗ trợ quy định tại Điều 2, Điều 3, Điều 4 và Điều 5 Nghị quyết này.

**Điều 8. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

### **Điều 9. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 10 năm 2025.

*Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XV, kỳ họp thứ ba mươi một thông qua ngày 26 tháng 9 năm 2025./.*

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXPVPHC-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Giàng Páo Mỹ**